Đại hội công đoàn các cấp nhiệm kỳ 2023-2028 được tổ chức thành công trong tháng 11/2022.

Đoàn thanh niên Công ty tích cực trong công tác lao động sản xuất kinh doanh, tình nguyện và công tác xã hội…

Hội cựu chiến binh Công ty tham gia công tác bảo đảm an ninh trật tự....

2. Tổ chức và nhân sự:

**** Danh sách Ban điều hành:***

Họ và tên	Chức vụ	Sinh ngày	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Tạ Quang Tuấn	Giám đốc	24/03/1973	163.200	1,088
Nguyễn Thế Hùng	Phó giám đốc	07/03/1969	17.000	0,11
Ninh Thị Mỹ Ngà	Phó giám đốc	31/01/1976	0	0
Nguyễn Văn Tuân	Phó giám đốc	09/04/1976	10.300	0.069
Hoàng Xuân Tùng	Kế toán trưởng	21/11/1979	1.100	0,007

**** Những thay đổi trong Ban điều hành:***

Trong năm 2022, MTS bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuân làm Phó giám đốc Công ty từ ngày 11/02/2022 theo quyết định số 336/QĐ-HĐQT ngày 11/02/2022.

**** Chính sách và những thay đổi chính sách đối với người lao động**:*

- Tổng số lao động Công ty bình quân năm 2022 là 735 người, có đến thời điểm 31/12/2022 là 731 người, giảm 21 người so với thời điểm 31/12/2021 (752 người), năng suất lao động bình quân theo doanh thu phí (GTSX) đạt 177 trđ/người/năm (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa có lương).

- Chính sách tìm kiếm, tuyển dụng và sử dụng tài năng: Công ty luôn trân trọng, tìm kiếm, tuyển dụng sử dụng tài năng, đặc biệt là tài năng trẻ, tạo điều kiện để họ phát huy hết khả năng của mình.

- Chính sách cơ cấu nhân lực kế cận: Mỗi vị trí chủ chốt, vị trí quan trọng, Công ty đều có Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng lớp cán bộ kế cận của các giai đoạn tiếp theo.

- Trách nhiệm đối với người lao động:

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với người lao động, Công ty luôn tuân thủ đóng BHXH, BHYT, BH thất nghiệp... theo quy định của Nhà nước và Hợp đồng lao động.

+ Công ty luôn chú trọng, quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho Người lao động như: Đảm bảo môi trường làm việc lành mạnh, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp, huấn luyện an toàn và trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đảm bảo quyền lợi của Người lao động, tạo ra năng suất lao động ngày càng cao;

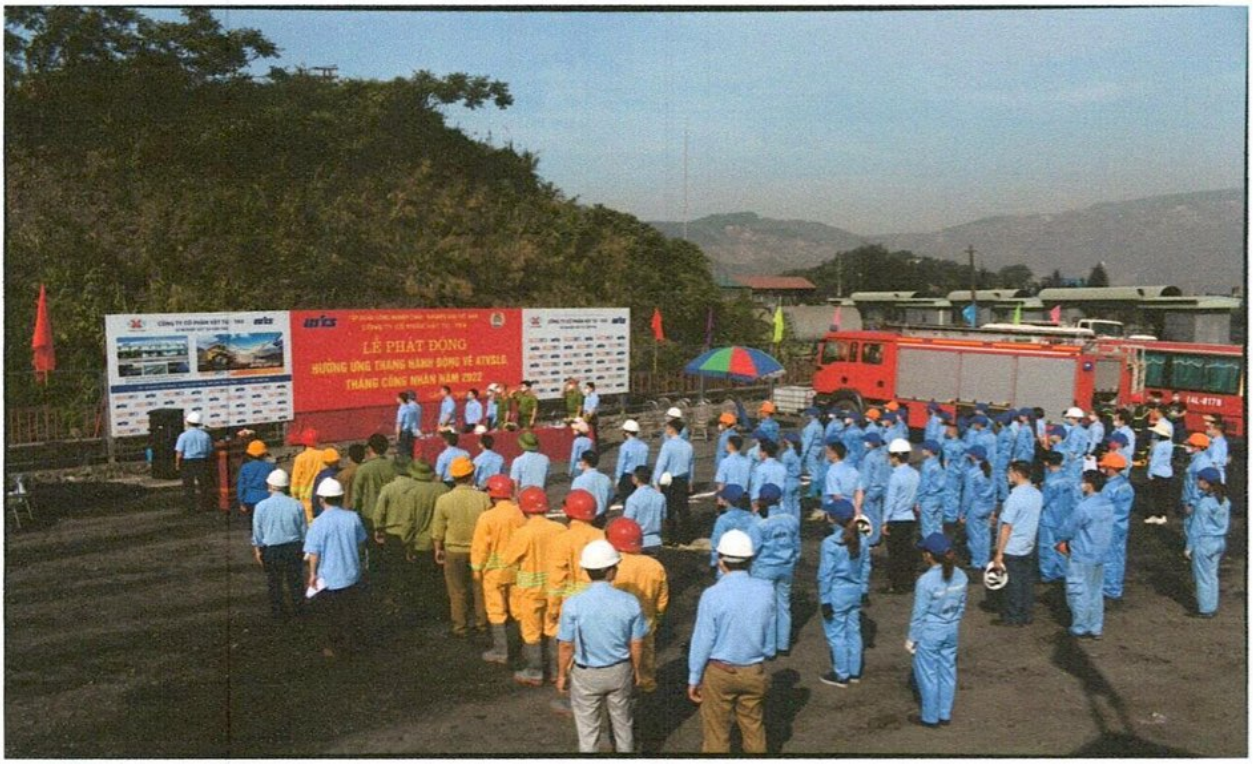

+ Thăm hỏi động viên công nhân và tuyên dương các tổ đội xuất sắc tiêu biểu…

+ Quan tâm hỗ trợ, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần Người lao động, hàng năm chuyên môn Công ty phối hợp với Công đoàn, đoàn thanh niên… trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tổ chức các chuyến tham quan, nghỉ mát cho CBCNV, khen thưởng phong trào bố mẹ lao động giỏi con học giỏi, tổ chức các giải giao lưu thể thao…

+ Nhân kỷ niệm 86 năm ngày Truyền thống công nhân vùng Mỏ - truyền thống ngành Than (12/11/1936 -12/11/2022), trong tháng 11 năm 2022, Công ty đã tổ chức giao hữu bóng đá toàn công ty. Đây là dịp để CBCNV các đơn vị được gặp gỡ, giao lưu, học hỏi, tăng cường tình đoàn kết gắn bó trong Công ty. Góp phần không nhỏ vào sự phát triển phong trào thể dục thể thao, rèn luyện nâng cao sức khỏe, đồng thời thúc đẩy phong trào thi đua lao động sản xuất, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao để xây dựng Công ty Cổ phần Vật tư - TKV phát triển vững mạnh.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.

Theo Thông báo số 2672/TKV-ĐT ngày 14/06/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Nghị quyết số 17/22/NQ_HĐQT_MTS ngày 16/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư - TKV, Công ty CP Vật tư-TKV được thông qua kế hoạch đầu tư XDCB năm 2022 với tổng giá trị: 19.772 triệu đồng.

Công tác đầu tư được Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Tập đoàn và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của nội bộ công ty ban hành kèm theo quyết định số: 2889/QĐ-MTS ngày 18/12/2020 đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1497/QĐ-HĐQT-MTS ngày 16/06/2022.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện (chưa thuế)	Tỷ lệ %
	Tổng số:	**19.772**	**18.070**	**91,3%**
	Trong đó:			
	- Trả nợ KL năm trước			
	- Kế hoạch năm	**19.772**	**18.070**	**91,3%**
1	Xây dựng			
2	Thiết bị	18.698	17.508	93,6%
3	Chi phí khác	1.074	562	52,3%

Năm 2022, Công ty thực hiện Dự án Đầu tư thiết bị phục vục sản xuất năm 2022. Hoàn thành 12/13 gói thầu còn một gói thầu số 04: Mua 01 Tủ ẩm (humidity Cabinet) chuyển tiếp thực hiện năm 2023.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	910.828	906.483	99,5%
Doanh thu thuần	3.946.823	5.399.873	136,8%
Lợi nhuận hoạt động tài chính	-11.108	-9.772	87,9%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.203	20.427	88%
Lợi nhuận khác	1.676	527	31,4%
Lợi nhuận trước thuế	24.879	20.954	84,2%
Lợi nhuận sau thuế	19.774	16.710	84,5%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	992	1.114	112%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
1. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán.			
+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSLĐ/Nợ NH):	lần	1,13	1,11

+ Khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ-HTK)/Nợ ngắn hạn	lần	0,88	0,89
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	lần	0,80	0,80
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	4,01	4,08
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động.			
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bình quân)	vòng	31,1	24,1
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	5,96	4,33
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,30	0,5
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10,4	12,4
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	1,8	2,2
+ Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	%	0,38	0,5

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Vốn điều lệ Công ty được chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đ/cổ phần.

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 15.000.000 cổ phần.

+ Cổ phần chuyển nhượng tự do : 14.592.430 cổ phần.

+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 407.570 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	15.000.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0
	Tổng cộng	**15.000.000**	**100%**
1	Cổ đông pháp nhân	10.305.000	68.7%

2	Cổ đông cá nhân	4.695.000	31.3%
	Tổng cộng	**15.000.000**	**100%**
1	Cổ đông Nhà nước	7.650.000	51%
2	Cổ đông khác	7.350.000	49%
	Tổng cộng	**15.000.000**	**100%**

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng giá trị nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất dầu nhờn Cominlub: 216.412 trđ, chiếm 85,2% tổng giá trị nguyên vật liệu xuất kho của Công ty.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Điện năng : 877.860 KWh.

- Diesel : 1.210.751 lít.

- Xăng : 23.000 lít.

b. Năng lượng tiết kiệm thông qua sáng kiến: Không.

c. Các báo cáo tiết kiệm năng lượng: Không.

6.3 Tiêu thụ nước:

a. Nguồn nước cung cấp và lượng nước tiêu thụ:

- Nguồn nước cung cấp: Công ty CP nước sạch Quảng Ninh.

- Lượng nước tiêu thụ: 11.940 m3.

b. Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế: Không.

6.4 Tuân thủ pháp luật về Bảo vệ môi trường:

a. Số lần xử phạt vì không tuân thủ luật pháp và quy định về môi trường: Không.

b. Tổng số tiền phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và quy định về môi trường: Không.

* Phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính (phương pháp thu thập số liệu, hệ số phát thải)

- Phương pháp thu thập số liệu: Phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp.

- Phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính được thực hiện theo hướng dẫn của IPCC 2006

Lượng phát thải khí nhà kính E = AD x EF

Trong đó: AD: Dữ liệu hoạt động (ở đây là Lượng nhiên liệu sử dụng)

EF: Hệ số phát thải (là định lượng phát thải khí nhà kính trên mỗi đơn vị hoạt động).

Tổng phát thải khí nhà kính được tính bằng tổng phát thải của tất cả các loại khí nhà kính (quy đổi thành CO_2 tương đương):

Tổng lượng phát thải $\sum E = \sum (E_i \times GWP_i)$

Trong đó: Ei: Là tổng phát thải của khí nhà kính i (Quy đổi là CO_2 tương đương)

GWP_i: là hệ số tiềm năng nóng lên toàn cầu của khí nhà kính i

Hướng dẫn của IPCC 2006 đưa 38 aba phương pháp tiếp cận (Phù hợp với ba cấp độ chính xác) khi thực hiện một điều tra phát thải khí nhà kính quốc gia hoặc đối với một nguồn phát thải bất kỳ.

Kiểm kê khí nhà kính của Công ty đã thực hiện theo phương pháp tiếp cận bậc 1, sử dụng "dữ liệu hoạt động" kết hợp với các hệ số phát thải mặc định (hệ số phát thải trung bình toàn cầu) được cung cấp trong Hướng dẫn của IPCC 2006.

- Hệ số phát thải: Dựa trên hiện trạng số liệu quốc gia chưa được thống kê đầy đủ theo phân loại của IPCC nên phần lớn hệ số phát thải, thông số và hệ số chuyển đổi sử dụng là các giá trị mặc định trong hướng dẫn của IPCC 2006 (bảng 2.3, chương 2). Cụ thể:

Hệ số phát thải khí nhà kính (EF)		**Nhiên liệu (kg/TJ)**	
		Gas/ Diesel	**Xăng**
CO_2	Giá trị trung bình	74.100	69.300
	Cận dưới	72.600	67.500
	Cận trên	74.800	73.000
CH_4	Giá trị trung bình	3	3
	Cận dưới	1	1
	Cận trên	10	10

N_2O	Giá trị trung bình	0,6	0,6
	Cận dưới	0,2	0,2
	Cận trên	2	2

* Số liệu hoạt động liên quan đến phát thải khí nhà kính của Công ty năm 2022 (số liệu đầu vào) là:

TT	Loại nhiên liệu/năng lượng tiêu thụ	Khối lượng		
		Lít	Nghìn tấn	kWh
1	Dầu DO	1.211.000	1,005	
2	Xăng	23.000	0,01656	
3	Điện			877.860

* Kết quả kiểm kê khí nhà kính của công ty năm 2022 là:

- Loại khí được kiểm kê: Hoạt động đốt nhiên liệu, sử dụng điện phát thải nhiều loại khí nhà kính khác nhau tuỳ thuộc vào thành phần của nhiên liệu tuy nhiên các loại phát thải khí nhà kính chủ yếu là CO_2, CH_4, N_2O. Đây cũng là các loại phát thải khí nhà kính được IPCC cung cấp hệ số phát thải trung bình và khuyến cáo kiểm kê cho hoạt động đốt cháy nhiên liệu. Do đó, các loại khí nhà kính khác được bỏ qua trong tính toán này.

- Công thức tính toán: Căn cứ theo hướng dẫn của IPCC 2006, phương pháp tiếp cận bậc 1 được sử dụng để tính lượng phát thải từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu. Các công thức được sử dụng bao gồm:

+ Công thức 2.1, chương 2, IPCC 2006 được triển khai cho từng loại khí nhà kính và từng loại nhiên liệu:

1. $E_{CO2,\,nl} = A_{nl} \times NCV_{nl} \times EF_{CO2,\,nl} \times GWP_{CO2}$
2. $E_{CH4,\,nl} = A_{nl} \times NCV_{nl} \times EF_{CH4,\,nl} \times GWP_{CH4}$
3. $E_{N2O,\,nl} = A_{nl} \times NCV_{nl} \times EF_{N2O,\,nl} \times GWP_{N2O}$

Trong đó:

$E_{CO2,\,nl}$, $E_{CH4,\,nl}$, $E_{N2O,\,nl}$ là phát thải khí nhà kính của nhiên liệu, $GgCO_{2td}$/năm.

A_{nl} là lượng nhiên liệu tiêu thụ, Gg/năm (nghìn tấn/năm).

NCV_{nl} là nhiệt trị của nhiên liệu, TJ/Gg (TJ/nghìn tấn)*.

$EF_{CO2,\,nl}$, $EF_{CH4,\,nl}$, $EF_{N2O,\,nl}$ là hệ số phát thải của khí nhà kính kg/TJ

GWP_{CO2}, GWP_{CH4}, GWP_{N2O} là hệ số tiềm năng nóng lên toàn cầu của KNK

$GWP_{CO2} = 1$, $GWP_{CH4} = 28$, $GWP_{N2O} = 265$

(*) số liệu nhiệt trị của nhiên liệu thường có đơn vị là kcal/kg cần quy đổi lại, (1Gg = 1 nghìn tấn); Số liệu nhiệt trị của dầu diesel, xăng và gas tham khảo tại phần mềm kiểm kê khí nhà kính của IPCC

+ Công thức 2.2, chương 2, IPCC 2006

Tổng phát thải KNK: $\sum E = \sum E_{CO2,\,nl} + \sum E_{CH4,\,nl} + \sum E_{N2O,\,nl}$

- Lượng phát thải khí nhà kính năm 2022 của Công ty như sau:

TT	Loại Nhiên liệu	Tổng nhiên liệu sử dụng (Gg)	Nhiệt trị (TJ/Gg) (*)	Loại khí nhà kính	Hệ số phát thải (kg/TJ)	Hệ số tiềm năng nóng lên toàn cầu	Tổng ($GgCO_{2td}$/ năm)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=3x4x6x7/10⁶*
1	Dầu DO	1,005	43	CO_2	74.100	1	3,202231
				CH_4	3	28	0,003630
				N_2O	0,6	265	0,006871
				Tổng cộng			*3,212732*
2	Xăng	0,01656	44,3	CO_2	69.300	1	0,050839
				CH_4	3,8	28	0,000078
				N_2O	0,6	265	0,000117
				Tổng cộng			0,051034

* Tiêu thụ điện năng trong Công ty: Lượng cacbon phát thải từ quá trình tiêu thụ điện được tính toán thông qua số liệu thống kê điện của công ty hàng tháng. Lượng CO2 phát thải khi dùng điện = Alượng điện sử dụng x Bđiện Trong đó: Alượng điện sử dụng là lượng điện năng sử dụng cho các hoạt động sản xuất và sinh hoạt trong công ty hàng tháng (kWh). Bđiện: Hệ số phát thải CO2 tính trên 1kW điện năng tiêu thụ. Số liệu được xác định theo tài liệu Bộ tài nguyên môi trường Nhật Bản cung cấp cho Chi cục Bảo vệ Môi Trường Đà Nẵng, số liệu đã nghiên cứu về đặc thù mạng lưới điện tại Việt Nam, và được áp dụng tính toán trong chương trình Eco Action 21, giá trị 0.5764 kg CO_2/kWh.

- Lượng cacbon phát thải từ quá trình tiêu thụ điện là:

877.860kWh x 0,5764 kg CO_2/kWh = 505.998 kg CO_2 = 505,998 tấn CO_2

Vậy tổng lượng Cacbon phát thải năm 2022 của công ty là:

3.212,732 + 51,034 + 505,998 = **3.769,764** tấn CO_2

*** Mục tiêu và biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:**

- Mục tiêu:

Mục tiêu đưa ra là từ nay đến năm 2025, mỗi năm giảm khoảng 2% lượng khí nhà kính/năm, tương đương giảm giảm phát thải khoảng 75 tấn CO_2/năm; góp phần giảm ô nhiễm môi trường, giảm hiệu ứng nhà kính.

- Biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:

Để giảm nhẹ phát thải khí nhà kính sẽ tập trung giảm phát thải ở 2 nội dung chính là sử dụng nhiêu liệu và năng lượng điện. Để sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Công ty đã đề ra các giải pháp như sau:

TT	Các giải pháp tiết kiệm năng lượng	Tiềm năng tiết kiệm			
		Điện (kWh/ năm)	**Nhiên liệu dầu DO** (lít/ năm)	**Quy về nguồn sơ cấp** (TOE/ năm)	**Giảm phát thải CO_2** (tấn/ năm)
1	Các hoạt động tăng cường quản lý nội vi và bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ thường xuyên đối với thiết bị	3.500	1.200	1,6	5.269
2	Thay thế các xe tải Stec đời cũ, trọng tải thấp, tiêu chuẩn khí thải Euro 2 bằng xe tải Stec đời mới, trọng tải lớn, tiêu chuẩn khí thải Euro 4		4.300	3,784	11,653
3	Cải hoán, nâng cấp 05 đoàn xà lan tải trọng 1600 tấn lên tải trọng 2400 tấn		11.000	9,68	29,81
4	Thay thế đèn chiếu sáng sợi đốt bằng đèn chiếu sáng LED	2.700		0,417	1,5563
5	Thay thế đèn chiếu sáng khuôn viên bằng đèn sử dụng năng lượng mặt trời	1.600	-	0,247	0,9222
6	Cải tạo hệ thống điều hòa -	5.600	-	0,864	3,2278

	Tăng cường giải nhiệt dàn nóng điều hòa cục bộ				
7	Lắp hệ thống tiết kiệm nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng khí điện phân HHO cho đội xe vận tải của Công ty		9.200	8,096	24,932
	Tổng	**13.400**	**25.700**	**24,69**	**77,37**

*** Kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

- Phương thức thực hiện các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính của Công ty:

+ Phân nhóm các giải pháp tiết kiệm năng lượng theo quy mô đầu tư và độ phức tạp về kỹ thuật

Nhóm	Tên giải pháp	Đặc điểm giải pháp
Nhóm I	*Giải pháp 1*: Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý nội vi đã và đang triển khai tại Công ty	Bao gồm việc cải tiến quy trình vận hành có để ý tới giảm tổn thất năng lượng. Ví dụ như: - Áp dụng các biện pháp tăng cường quản lý chặt chẽ, nhắc nhở công nhân viên như tắt điều hòa nhiệt độ, tắt đèn, cắt điện khi không sử dụng, đặt nhiệt độ điều hòa không khí trong phòng thích hợp, tắt bơm quạt khi máy đã nghỉ; - Quản lý sử dụng hợp lý các thiết bị văn phòng; - Từng bước thay thế bóng đèn hiệu suất cao.
Nhóm III	*Giải pháp 2:* Thay thế các xe tải Stec đời cũ, trọng tải thấp, tiêu chuẩn khí thải Euro 2 bằng xe tải Stec đời mới, trọng tải lớn, tiêu chuẩn khí thải Euro 4 *Giải pháp 3:* Cải hoán, nâng cấp 04 đoàn xà lan tải trọng 1600 tấn lên tải trọng 2400 tấn	Những giải pháp này cần chi phí đầu tư khá cao, không phải tự nhiên áp dụng ngay được mà phải căn cứ thêm các yếu tố sản xuất khác. Tuy nhiên, hiệu quả tiết kiệm năng lượng và kinh tế đều đáng quan tâm, Công ty hoàn toàn có thể đầu tư dần dần qua từng năm. Mức độ tiết kiệm đem lại cũng không nhỏ và lại có tính tích lũy. Ngoài ra còn cải thiện điều kiện cho người lao động.

Nhóm IV	*Giải pháp 4*: Thay thế đèn chiếu sáng khuôn viên bằng đèn sử dụng năng lượng mặt trời *Giải pháp 5*: Cải tạo hệ thống điều hòa - Tăng cường giải nhiệt dàn nóng điều hòa cục bộ	Các giải pháp này cần chi phí ở mức thấp hoặc vừa phải, hầu như không làm gián đoạn đáng kể nào đến hoạt động sản xuất/kinh doanh. Công ty hoàn toàn có thể thực hiện dần dần, triển khai độc lập từng khu vực. Mức độ tiết kiệm đem lại cũng không nhỏ và lại có tính tích lũy. Có thể thực hiện thí điểm để tự đánh giá hiệu quả.
Nhóm V	*Giải pháp 6*: Lắp hệ thống tiết kiệm nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng khí điện phân HHO cho đội xe vận tải của Công ty	Giải pháp này cần chi phí ở mức vừa phải, có làm gián đoạn nhất định đến hoạt động của thiết bị, hiệu quả tiết kiệm năng lượng và độ kinh tế đều đáng quan tâm. Tính công nghệ không còn là trở ngại đáng kể vì trong thực tế đã có nhiều đơn vị triển khai thành công, đặc biệt là khi lồng ghép được với kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ.

+ Kế hoạch thực hiện:

TT	Giải pháp đề xuất	Tiến độ dự kiến thực hiện giải pháp			
		Năm 2023	*Năm 2024*	*Năm 2025*	*Giai đoạn 2026-2030*
1	Các hoạt động tăng cường quản lý nội vi và bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ thường xuyên đối với thiết bị	x	x	x	x
2	Thay thế các xe tải Stec đời cũ, trọng tải thấp, tiêu chuẩn khí thải Euro 2 bằng xe tải Stec đời mới, trọng tải lớn, tiêu chuẩn khí thải Euro 4	03 cái	02 cái	02 cái	10 cái
3	Cải hoán, nâng cấp 04 đoàn xà lan tải trọng 1600 tấn lên tải trọng 2400 tấn	02 đoàn	03 đoàn		
4	Thay thế đèn chiếu sáng sợi đốt bằng đèn chiếu sáng LED	x	x		
5	Thay thế đèn chiếu sáng khuôn viên bằng đèn sử dụng năng lượng mặt trời	x	x		
6	Cải tạo hệ thống điều hòa - Tăng cường giải nhiệt dàn nóng điều hòa	x	x	x	

	cục bộ				
7	Giải pháp Lắp hệ thống tiết kiệm nhiên liệu động cơ Diesel sử dụng khí điện phân HHO cho đội xe vận tải của Công ty	x	x	x	

- Phương pháp tính lượng giảm phát thải khí nhà kính của công ty.

+ Phương pháp tính toán cân bằng phát thải cacbon do Cơ quan quản lý Năng lượng và Môi trường Pháp công bố được xây dựng dựa trên hướng dẫn do Kyoto GHG Protocol và IPCC ban hành, có dạng như công thức:

Lượng CO_2 phát thải = Σj (Fuelj *EFj)

Trong đó: – J: loại nhiên liệu

– Fuelj: là lượng nguyên, nhiên liệu tiêu thụ phục vụ sản xuất, sử dụng..., ví dụ: kWh điện, lít dầu DO, xăng..

– EFj: là hệ số phát thải hay còn gọi là hệ số chuyển đổi trên một đơn vị cần tính toán, đơn vị (kg CO_2/đơn vị phát thải)

Hay công thức được đơn giản ký hiệu thành:

Lượng CO_2 phát thải = ∑ Các nguồn thải Lượng phát thải 1 nguồn = A x B

Trong đó:

- A: Là lượng nhiên liệu, điện tiết kiệm được..., ví dụ: kWh điện, lít dầu FO.

- B: Là hệ số phát thải hay còn gọi là hệ số chuyển đổi trên một đơn vị cần tính toán, (kg CO_2/đơn vị phát thải).

* Tiêu thụ điện năng trong công ty, lượng cacbon phát thải từ quá trình tiêu thụ điện được tính toán thông qua số liệu thống kê điện tiết kiệm (giảm) của công ty hàng tháng.

Lượng CO_2 phát thải khi dùng điện = Alượng điện sử dụng x Bđiện

Trong đó:

- Alượng điện sử dụng: là lượng điện năng sử dụng cho các hoạt động sản xuất và sinh hoạt tiết kiệm được trong công ty hàng năm (kWh).

- Bđiện: Hệ số phát thải CO_2 tính trên 1kW điện năng tiêu thụ. Số liệu được xác định theo tài liệu Bộ tài nguyên môi trường Nhật Bản cung cấp cho Chi cục Bảo vệ Môi Trường Đà Nẵng, số liệu đã nghiên cứu về đặc thù mạng lưới điện tại Việt Nam, và được áp dụng tính toán trong chương trình Eco Action 21, giá trị là 0.5764 kg CO_2/kWh

* Tiêu thụ dầu DO cho phương tiện vận tải, máy phát điện....:

Lượng CO_2 phát thải khi đốt dầu DO = Alượng dầu DO sử dụng x Bdầu DO
Trong đó:

- Alượng dầu DO sử dụng: là lượng dầu DO (lít) tiết kiệm (giảm) được trong 1 năm.

- Bdầu DO: Hệ số quy đổi khi đốt cháy dầu DO = 39.1 GJ/kl x 0.0693 t-CO_2/GJ = 2.71 kg CO_2/lít dầu DO .

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đối với Công ty cổ phần Vật tư - TKV, so với các năm trước, năm 2022 hoạt động SXKD Công ty gặp một số khó khăn do ảnh hưởng của chiến tranh Nga - Ukraine:

+ Giá thành sản xuất dầu nhờn của công ty tăng cao: Nguồn cung về nguyên liệu sản xuất dầu nhờn khan hiếm do tắc nghẽn chuỗi cung ứng toàn cầu. Tình trạng thiếu container trên toàn thế giới khiến khâu vận chuyển hàng hóa gặp nhiều khó khăn, nhất là các sản phẩm dầu mỏ.

+ Giá nhiên liệu tăng cao trong năm đã ảnh hưởng rất lớn đến chi phí đầu vào của Công ty, nhất là khâu vận tải thủy và chuyển tải xăng dầu.

Trong tình hình khó khăn như đã nêu, Công ty cổ phần Vật tư-TKV có thuận lợi là được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Tập đoàn thông qua các giải pháp, cơ chế điều hành sát với thực tế, sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên Công ty, sự hợp tác giúp đỡ của các đơn vị bạn.

=> Thực hiện năm 2022, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về hiện vật không đồng đều, có một số chỉ tiêu đạt và vượt > 100% kế hoạch. Tuy nhiên vẫn còn một số chỉ tiêu thực hiện dưới kế hoạch được giao, cụ thể:

+ Giá trị sản xuất đạt 583 tỷ, bằng 116% kế hoạch được giao và bằng 107% so với năm 2021; Lợi nhuận: 20.954 trđ, đạt 103% kế hoạch được giao; Thu nhập bình quân người lao động: 12.357 nghìn đồng/người/tháng, đạt 124% kế hoạch 2022 và 126% thực hiện năm 2021.

+ Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022: 7%.

+ Sản lượng tiêu thụ dầu DO đạt 201.992/202.000 nghìn lít bằng 99,9% KH; Sản lượng Vận tải thủy năm 2022 đạt: 652.058/720.000 tấn bằng 91% KH; SX dầu nhờn đạt: 4.473/5.000 nghìn lít bằng 89,5% KH; sản lượng bốc xếp đạt 2.292.273/5.000.000 tấn bằng 46% KH;

+ Giá trị thực hiện đầu tư XDCB đạt: 18.070 trđ/19.772 trđ = 91% kế hoạch 2022. Năm 2022 Công ty thực hiện 12/13 các hạng mục theo quyết định phê duyệt đầu tư của

TKV, giá trị thực hiện đầu tư XDCB 2022 giảm do còn 01 gói thầu chuyển sang thực hiện năm 2023.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Tài sản (đồng)	31/12/2022	31/12/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	800.439.322.348	786.032.951.264
TÀI SẢN DÀI HẠN	106.043.673.203	124.795.489.781
TỔNG TÀI SẢN	**906.482.995.551**	**910.828.441.045**

Trong năm việc sử dụng tài sản của Công ty đem lại hiệu quả trong SXKD. Dư vay ngắn hạn, vay dài hạn, khả năng thanh toán, tỷ suất sinh lời đều ở mức an toàn hợp lý trong từng thời kỳ; Không có nợ khó đòi, dự trữ vật tư ở mức hợp lý.

b. Tình hình nguồn vốn:

NGUỒN VỐN	31/12/2022	31/12/2021
NỢ PHẢI TRẢ	**726.429.168.218**	**732.094.244.818**
Nợ ngắn hạn	705.640.287.913	706.574.789.513
Nợ dài hạn	20.788.880.305	25.519.455.305
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**180.053.827.333**	**178.734.196.227**
Vốn góp của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn khác của Chủ sở hữu	8.960.446.091	8.960.446.091
Quỹ đầu tư phát triển	1.710.043.092	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.383.338.150	19.773.750.136
TỔNG NGUỒN VỐN	**906.482.995.551**	**910.828.441.045**

Công ty và các chi nhánh đã mở sở sách theo dõi tình hình biến động của vốn chủ sở hữu theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn TKV.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Công ty đã sắp xếp tinh giảm bộ máy, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ hiện có, đồng thời có kế hoạch thu hút nhân tài để phát triển doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất khâu cấp phát xăng dầu, thực hiện nghiên cứu và phát triển hệ thống cấp phát nhiên liệu tự động với ứng dụng thiết bị và công nghệ tiên tiến của ISRAEL, đánh dấu bước tiến vượt bậc trong tiến trình "Tin học hóa-Tự động hóa" của Công ty, đã triển khai ứng dụng rộng rãi tại các đơn vị trong Tập đoàn công nghiệp than-khoáng sản Việt Nam. Hệ thống đã giải quyết một

cách cơ bản các yêu cầu về quản lý nhiên liệu đối với các phương tiện vận tải mỏ, đảm bảo an toàn và an ninh trật tự cho lĩnh vực quản lý trọng điểm và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của ngành Than.

Trong năm 2022, Công ty đầu tư các trang thiết bị: Tủ ẩm (Humandity Cabinet), máy in tem nhãn màu, Bơm trục vít nhằm nâng cao chất lượng, năng suất của sản phẩm dầu nhờn Cominlub.

- Tăng cường năng lực về đổi mới công nghệ, tin học hóa-tự động nhằm đưa ra những công nghệ tiên tiến hơn, hiệu quả hơn, góp phần phát triển sản xuất kinh doanh Công ty.

- Các biện pháp quản lý: Trong năm Công ty đã chỉ đạo điều hành SXKD chủ yếu thông qua các công cụ quản lý như: Kế hoạch, Kế toán tài chính, tổ chức sản xuất, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đồng thời tiến hành rà soát, bổ sung, xây dựng lại các Quy chế phân công, phân cấp quản lý, phân định rõ trách nhiệm nghĩa vụ giữa Công ty và đơn vị.

+ Định mức lại tiêu hao nhiên liệu các phương tiện thiết bị ở tất cả các khâu: Bốc xếp, vận tải thủy, vận chuyển ô tô. Đó là cơ sở pháp lý để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua cơ chế khoán doanh thu, chi phí, tạo động lực mạnh mẽ mở rộng thị trường tăng doanh thu, quản trị chi phí, quản trị rủi ro trong kinh doanh, đảm bảo đời sống thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

+ Trong năm 2022, Công ty ban hành nhiều chỉ thị tăng cường công tác khoán quản trị chi phí nội bộ yêu cầu tiết giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh trong cung cấp sản phẩm, dịch vụ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức sản xuất, chủ động thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn trong sản xuất, an toàn trong hoạt động kinh doanh, thông qua việc triển khai rộng rãi công tác phòng chống rủi ro theo ISO 31000 trong toàn Công ty.

- Đổi mới quy trình, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, xây dựng đội ngũ cán bộ năng động, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao để đáp ứng quá trình phát triển trước mắt và lâu dài của Công ty.

- Thực hiện tin học hóa công tác quản lý kỹ thuật và quản lý nguồn lực trong toàn Công ty, thực hiện nghiên cứu tiêu chuẩn và đồng bộ hóa về đặc tính kỹ thuật các kho cấp phát nhiên liệu theo hình thức module hóa, đảm bảo giảm chi phí và tối ưu trong vận hành, trong điều kiện môi trường khai thác mỏ hiện nay; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học phát triển sản phẩm mới đảm bảo tính cạnh tranh và chủ động trên thị trường dầu động cơ và khai thác mỏ của ngành than.

- Nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị doanh nghiệp và quản lý tốt chi phí; cân đối điều hành, phát huy tối đa giá trị lao động tại mỗi vị trí công tác tạo bước chuyển cho sự phát triển và ổn định của Công ty trong những năm tiếp theo.

- Tập trung nguồn lực hoàn thiện các điều kiện về pháp lý và cơ sở hạ tầng cho sự hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức đến CBCNV. Triển khai tốt nội dung các quy chế, quy định, văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động SXKD.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với phương châm "Tâm sáng với việc - Tận tụy với nghề", góp phần xây dựng MTS phát triển bền vững.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty.

- Trải qua năm 2021 gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, năm 2022 lại xảy ra chiến tranh Nga - Ukraine dẫn đến tình hình thị trường xăng dầu trên thế giới biến động không ngừng, giá các sản phẩm từ dầu mỏ không ngừng tăng cao dẫn đến các chi phí đầu vào tăng cao ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chi phí sản xuất dầu nhờn Cominlub tăng cao trong khi giá bán sản phẩm không tăng; giá xăng dầu tăng đòi hỏi nguồn vốn cho kinh doanh xăng dầu tăng theo đã kéo theo công nợ và chi phí tài chính tăng đòi hỏi công tác điều hành của Công ty phải có những giải pháp kịp thời.

- Tuy vậy, Công ty vẫn ổn định và duy trì đầy đủ các ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

+ Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều tuân thủ đúng các quy định quản lý nội bộ và quy định của pháp luật.

+ Đồng thời Công ty đã từng bước cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; thu nhập của người lao động được đảm bảo và vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.

Căn cứ kết quả đạt được năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao những thành quả đạt được của Ban giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên đã vượt qua khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Về các mặt công tác quản lý: Ban giám đốc điều hành đã tổ chức và chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD đúng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ đúng pháp luật Nhà nước và các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022, các quy định của Công ty và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

+ Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện phương án SXKD tháng, quý, năm 2022 được ĐHĐCĐ thông qua, có những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản

xuất và quản lý; ban hành các quyết định về quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh và nhân sự để phù hợp với tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD trong năm.

+ Giám đốc Công ty đã chủ động đề xuất với HĐQT những giải pháp về tổ chức sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty;

+ Giám đốc điều hành đã triển khai, chỉ đạo giao kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc, rà soát thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022, thực hiện các mục tiêu quan trọng như: chỉ đạo tiếp tục tăng cường đổi mới công tác quản lý, quản trị Công ty với mục tiêu phải có hiệu quả, phải bảo toàn vốn, phải đảm bảo an ninh, an toàn, đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, đặc biệt là quản lý xăng dầu, mở rộng thị trường dầu cominlub. Tổ chức thực hiện các chỉ đạo của TKV về tái cơ cấu, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy quản lý, sản xuất từ Công ty đến các xí nghiệp, đã ban hành nhiều quyết định về quản lý, tổ chức sản xuất, nhân sự chung toàn Công ty phù hợp với tình hình hiện nay và thời gian tiếp theo.

- Về tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh: Về cơ bản năm 2022 Công ty hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, chi phí theo kế hoạch. Bên cạnh đó Hội đồng quản trị cũng nhìn nhận vì các nguyên nhân khách quan mà Công ty chưa hoàn thành chỉ tiêu: Vận tải thủy năm 2022 đạt: 652.058/720.000 tấn bằng 91% KH; SX dầu nhờn đạt: 4.473/5.000 nghìn lít bằng 98% KH; sản lượng bốc xếp đạt 2.292.273/5.000.000 tấn bằng 46% KH;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

3.1 Hội đồng quản trị tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng quản lý, quản trị đối với mọi mặt hoạt động của Công ty; chỉ đạo bộ máy quản lý điều hành thực hiện sản

xuất kinh doanh, hoạt động tài chính đảm bảo an toàn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

- Doanh thu : 4.695.200 trđ;
- Giá trị sản xuất : 471.229 trđ, trong đó:
+ Kinh doanh vật tư : 118.335 trđ (Sản lượng dầu ga doan: 203 triệu lít);
+ KD bốc xếp : 15.990 trđ (sản lượng: 2,6 triệu tấn);
+ KD vận tải thủy : 32.924 trđ (sản lượng: 550.000 tấn);
+ KD dầu nhờn : 275.314 trđ (sản lượng: 5 triệu lít);
+ Vận tải và dịch vụ khác : 48.663 trđ
- Lợi nhuận : 15.245 trđ;
- Tiền lương bình quân : 8,763 trđ/người/tháng.

3.2 Các mặt công tác khác:

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng quản lý, quản trị đối với mọi mặt hoạt động của Công ty; Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý, điều hành thực hiện sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ đạo bộ máy quản lý điều hành thực hiện sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính đảm bảo an toàn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã nêu.

- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ dầu nhờn COMINLUB, chủ động nghiên cứu sản xuất các chủng loại sản phẩm dầu nhờn phù hợp yêu cầu sử dụng của các đơn vị sản xuất với giá cả cạnh tranh, tăng doanh thu, quản trị tốt hàng tồn kho, kinh doanh đạt hiệu quả tốt.

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất; Áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-:-2015 vào tất cả các mặt hoạt động và quản lý của Công ty; Triển khai tốt thực hành 5S, phát huy giá trị truyền thống để xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty.

- Giám sát, đôn đốc triển khai thực hiện các dự án đầu tư quan trọng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty: Dự án đầu tư kho trung chuyển, bến nhập dầu tại phường Cửa Ông, Cẩm Phả. Dự án đầu tư Khu nhà ở tập thể công nhân và phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm, Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023....

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trần Thế Thành	Chủ tịch HĐQT (đại diện vốn TKV)	1962	51%
2	Tạ Quang Tuấn	TV HĐQT-Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 01/11/2020)	1973	1,088%
3	Nguyễn Thế Hùng	TV HĐQT - Phó giám đốc	1969	0,11%
4	Lê Dũng	TV HĐQT-Chủ tịch Công đoàn	1968	0,03%
5	Phạm Văn Hiền	TV HĐQT-Giám đốc XN vật tư Cẩm Phả	1970	0,03%

Năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty không có sự thay đổi:

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Các Phòng trong Cơ quan văn phòng Công ty được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị họp 18 phiên, ban hành 40 nghị quyết và 20 quyết định về các nội dung chủ yếu: Ban hành các quy chế quản lý, quy chế làm việc, sửa đổi bổ sung và ban hành mới các quy chế: Quy chế Quản lý công nợ; Quy chế Huy động vốn, sử dụng vốn, bảo lãnh; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định; Quy chế Quản lý tài chính; Quy chế Quản lý cán bộ; Sửa đổi bổ sung quy chế Quy chế quản lý đầu tư, xây dựng; Sửa đổi bổ sung Quy chế Dân chủ ở cơ sở; Ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương; Công tác tổ chức sản xuất; Công tác đầu tư, công tác đất đai; Công tác quy hoạch, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Công ty, HĐQT đã chú trọng nâng cao các mặt hoạt động, tăng cường công tác quản lý Công ty nhằm phục vụ tốt cho SXKD của Công ty; tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 diễn ra ngày 27/4/2022.

HĐQT Công ty thường xuyên chỉ đạo thực hiện đúng định hướng, chỉ đạo của Tập đoàn và theo các nội dung:

+ Ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các Quy chế quản lý của Công ty, là cơ sở cho việc quản lý, điều hành Công ty và kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban giám đốc;

+ Chỉ đạo triển khai, xây dựng kế hoạch SXKD, Kế hoạch đầu tư, Kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế;

+ Kiện toàn nhân sự bộ máy điều hành, thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị, hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

Căn cứ Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ, HĐQT Công ty thường xuyên kiểm điểm, đánh giá các hoạt động theo chức trách, nhiệm vụ được phân công. Trong năm, các thành viên HĐQT theo lĩnh vực được phân công đã hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao, phát huy khả năng; năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty. Các chủ trương, quyết định của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc, quy định làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên tham gia các cuộc họp đầy đủ. HĐQT đã chỉ đạo thực hiện, hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. BAN KIỂM SOÁT.

a. Cơ cấu Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trần Thanh Tùng	Trưởng ban	0	0
2	Hoàng Kiên	Thành viên	3.200	0,02%
3	Tô Thị Lan	Thành viên	10.000	0.066%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2022 Ban kiểm soát tổ chức 03 buổi họp, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu về sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn, phát triển vốn và những rủi ro trọng yếu.

- Tham gia góp ý kiến về định hướng điều hành kinh doanh, quản lý tài chính và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ.

- Thường xuyên trao đổi, phối hợp với HĐQT, Ban giám đốc để theo dõi, tổ chức kiểm soát hoạt động của Công ty.

- Các thành viên của Ban thực hiện nhiệm vụ trung thực, cẩn trọng và không cản trở hoạt động của HĐQT và Ban điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

(ĐVT: Triệu đồng).

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng	Tổng cộng
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Trần Thế Thành	Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)	61,7		13,7	**75,4**
2	Tạ Quang Tuấn	Thành viên (Giám đốc Công ty)	52,6	503,2	80,8	**636,6**
3	Nguyễn Thế Hùng	Thành viên (Phó Giám đốc Công ty)	52,6	446,4	69,3	**568,3**
4	Lê Dũng	Thành viên (Không điều hành)	52,6	450,4	30,2	**533,2**
5	Phạm Văn Hiền	Thành viên (Không điều hành)	52,6	236	31,4	**320**
II	BAN KIỂM SOÁT					
1	Trần Thanh Tùng	Trưởng ban	29,3		5	**34,3**
2	Hoàng Kiên	Thành viên	52,6	182	18	**252,6**
3	Tô Thị Lan	Thành viên	52,6	227,2	36,6	**316,4**
III	BAN ĐIỀU HÀNH					
1	Ninh Thị Mỹ Ngà	Phó giám đốc		443,7	63,5	**507,2**
2	Nguyễn Văn Tuân	Phó giám đốc		344,9	14	**358,9**
3	Hoàng Xuân Tùng	Kế toán trưởng		405,4	56,2	**461,6**
Tổng cộng			406,6	3.239,2	418,7	4.064,5

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Bao gồm:

+ Bảng cân đối kế toán;
+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
+ Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Công ty cổ phần Vật tư-TKV đã công bố Báo cáo tài chính năm 2022 sau kiểm toán với Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng tải tại website Công ty: http://vmts.vn mục "Thông tin cổ đông/ Báo cáo tài chính".

Nơi nhận:
- UBCK Nhà nước (Vụ QL phát hành);
- Sở GDCK Hà Nội (Phòng QL niêm yết)
- Thành viên HĐQT, BKS;

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

M.S.D.N: 5700100707 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

Tạ Quang Tuấn

TRỤ SỞ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV

TỔ 1 – KHU 2- PHƯỜNG HÒNG HÀ – HẠ LONG – QUẢNG NINH
ĐT: (84) 203.3695899
FAX: (84) 203.634899
WEBSITE: WWW.VMTS.VN
EMAIL: MTS@VMTS.VN

XÍ NGHIỆP VẬT TƯ CẨM PHẢ

Địa chỉ: 42 Huỳnh Thúc Kháng – Cẩm Đông – Cẩm Phả - Quảng Ninh

XÍ NGHIỆP VẬT TƯ HÒN GAI

Địa chỉ: 170 Lê Thánh Tông – Bạch Đằng – Hạ Long – Quảng Ninh

XÍ NGHIỆP VẬN TẢI - XẾP DỠ

Địa chỉ: Tổ 19 – Tây Sơn – Cẩm Sơn – Cẩm Phả - Quảng Ninh

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: 85 Nguyễn Du – Hà Nội